

SỐ 2103

QUẢNG HOÀNG MINH TẬP

Thời Đại Đường, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên soạn.

QUYỂN 19

THIÊN THỨ TƯ: PHÁP NGHĨA (Phần 2)

Tựa nội điển, Tề Thẩm Ước, Tề Hoàng Thái tử giải giảng số, Thẩm Ước, Tề Cảnh Lăng Vương phát giảng số, Thẩm Ước, Tề Cảnh Lăng Vương giải giảng số, Thẩm Ước, thơ cùng ẩn sĩ Lưu Cầu ở châu Kinh, Tề Cảnh Lăng Vương thỉnh Lương Tổ giảng Kim Tự Ba Nhã Khải, Lương Hoàng Thái tử Cương, thuật ngữ giảng Tựa Bát-nhã, Lương Lục Vân, bày ngữ giảng nghĩa Bát-nhã, Tề Túc Tử hiển Tựa Ngữ giảng Bát-nhã xong, Lương Hoàng Thái tử, Tựa nội điển.

Thẩm Ước, Phùng Tề Từ luống xong giáo tác của Lăng Vương.

Từ trước, ban đầu chúng sinh, nghĩa ẩn ngoài ba tạng, sự chẳng phải Nhị thừa dõm đến được, tự đều biết đồng chạy theo duyên thọ nghiệp. Người trời khác phép tắc, máy động khác mối, khổ vui lật đổi, trí ngu nhiệm nhau, đâu chẳng phải nhà lửa vòng xe vọt trời phát họa đèn bị gió dữ xoay, lấy ngắn của tác bóng đuổi theo dài của nhiều kiếp, tinh linh khởi phục muôn mối ngàn tên. Như Lai phát nguồn hằng phẩm, bởi cũng là một trong hàm sinh, còn như đều đầu tranh chạy. Đây vốn chưa đều khác, đến như úp sọt từ vô thỉ, ban đầu thành công cuối đoạn thể, đường xa nghiệp xa, xe màu xa tím, lụy rõ nhóm tuệ, linh giác sáng riêng, bốn mươi tám tướng lớn chiếu rõ ngàn thiên, tôn pháp hai mươi chín bao trùm không ngoài. Nghiệp sáu độ đã sâu, công mười phương tự xa, giúp

vật dùng quyền, hàng ma chẳng phí sức, pháp mầu luân chuyển, cam lồ rơi lả tả, ghe kiệu sáu đường, bốn cầu năm đường, lên ngã tư đường dài, đạo đường rộng Nhất thừa. Đây đã sự đầy Phương Đẳng, nghĩa tràn thần nghi. Đến nơi đại quyền nhiếp hóa đối nêu bày tông cực, vật theo điềm từ bi, quên thân chấp chẳng thôi, hạnh phù hợp bốn đẳng, đạo lên Thập địa. Nếu chính tánh linh đặc biệt hiểu được tự ôm lòng, công thần sức diệu không đợi học thành, riêng thúc giục riêng chạy lồng lên đâu biết hạn cuộc, kết tập lộn xộn một theo lý ngộ.

Lại có tổn tình ngăn lo nghĩ, thân tâm chẳng muốn, nhàm siêng dài của sinh tử, nhìn lại vắng lặng mà xót xa, xa bỗng tự được lậu lụy như khói tiêu. Vả lại bến tâm đến đạo công chẳng phải một nghiệp, dấu hiểu lý cùng nguồn mà mầm tình hoặc khác. Đây cho nên cao tâm hạnh xa chia đường đồng chạy, quên nhớ ngăn dục, sai đường một mỗi, hoặc cỏ nát thân thể, mất hài cốt ở rừng, ao. Trong quên hình tướng ngoài quen tê giác, hổ. Hoặc ngồi nằm đi đứng dấu vết không trái chúng, nghiệp thiền cửa định tạo thứ lớp không sai. An nhẫn cùng vàng đá đồng bền chặt, giới hạnh cùng châu báu đồng mầu dấu chim mùa thu năm đến mùa xuân thời cá lầm bên, mà Cảnh giới, Trường Sơ lo lắng xót xa ở trong ý nghĩ, diệu tích chẳng xa, đường thần thâm gần, có ngộ quyết thông. Do đây đến cho nên có thể nhờ trí xét hư nường tâm chiếu lý, khu khu ôm trong lòng, rõ ràng chẳng chấp, đều ở ba cõi cùng thần đạo chơi riêng, bao gồm bốn trời, co duỗi muôn kiếp, nghe miếng nghĩa mà bước lên đạo tràng, nhận một lời mà lên bờ kia. Đêm dài chưa mở tâm quang tự hiểu. Che mờ vết Thánh, ngủ mất thần quang, đã mang túi theo thầy cũng thê lâm nghiệp chung. Chân đạp cửa tuệ học thông tạng rộng, sửa màu xa suốt âm loan tự xa, nếu quỳ gối vận tâm hẹn thành chẳng dấu vết, mà dẫn dắt đạt thân công chiếu soi người chưa ngộ, xướng nói nghĩa tốt đẹp gồm ở đây. Đã chín cõi khác phong tục, tám phương phong tục cũng chẳng giống, du hóa đã ôm, sự ra khen rộng đều đủ để đời cõi Tịnh quang lên đất nghi báu, truat hoa cắt trang sức, phá ái từ thân. Trống, mái chèo dòng vô sinh, vuông phép đường tục biểu vốn đã ngàn Phật xoa đánh thất trụ đồng công, cho đến thanh nam tín nữ trông duyên nhiều kiếp, dấu rằng dung nhan y phục chưa sửa mà giới đức trong rộng, Chiêm-tỳ-gia mà nhún dây cương, trông Ba Tư mà lại thương nhớ, điều chế nhỏ nhiệm của bốn thiên, thiếu mù mịt của tám giải thoát, như bèn mười hiệu tôn sùng ba đạt chẳng ngại. Tuy pháp thân chẳng có mà thường trụ ở thân, Năng Nhân quyền tích bốn môn đã chẳng phải ban đầu ngộ đạo, giả diệt độ nơi song thọ chứ đâu có cùng của củi hết, mà

trời, người chiêm mộ phẳng phát khởi tình, khắc vàng chạm ngọc vẽ hình họa trang. Linh nghi mặt trời sáng rõ, mây đến cõi báu, hoặc dịch công của quỷ thần, hoặc giúp sức tủy não, chế tạo chẳng phải thợ khéo loài người, dùng báu hợp thành, đâu không là rồng chương tám màu hoa quỳnh chín sắc. Cho đến rằng tóc truyền linh y lại để làm chứng, Thánh tích chói lợi, mặt trời sáng rõ nơi Diêm-phù.

Thần quang lia đất bằng, sao buộc nơi cõi tịnh, nếu nương trực tâm này suy thành ám vãng thì nửa hơi có thể theo một niệm, cảm giáng tham sai mây lả tả rơi mù. Đây lại với giúp tượng dịch sáng rõ bản đồ lựa, giấy tờ thư sự dòng kia đã xa, bởi thế cho nên vết cũ to lớn, sáng rõ thuật tiếng xa, dấu triện trừu khác văn. Hồ, Hoa khác phép tắc, còn như hòa hợp bày tâm linh, ép hay nêu nghĩa dạy vốn cũng trong ngoài đồng nhìn người thần một đạo, gò sách gò điển, sử sách trong cõi vốn khởi hạ sinh đạo truyền ngoài cõi. Tóm lại, trước đều nêu khác mà kinh ghi nhiều rộng, dòng nguồn rời tan, một sự trước sau dật lý chia quyển, hoặc lời nghĩa lia đứt, hoặc văn tự xen ra, lớn hợp điều sau, đã muội giám trước, tìm nguồn thảo dòng chưa biết nhỏ giọt. Dấu tinh lý sáng tâm dừng nơi câu kệ, mà sơ ngộ mới học có ra mê hoặc thì nhiều. Vả lại trong ngoài đều chở sách dạy, dù giáo có khác môn mà lý chẳng khác đường, cho nên hai sách chân tục thay nhau phò khen. Khổng phát khởi điềm kia, Đạo Thích cùng đầu mối kia, triệu vãng bỏ cương, vì tuệ ở đây, biến dân đổi tục nên để lần đến. Tinh, thô, ép dẫn đều có lý do, cho nên khúc biện tình linh, gá tâm nơi sách màu, phục ứng thuyết có không, rộng gồm quên sách. Bao gồm các dòng nhóm thành sách này, sự để bày chia, nghĩa tùy lý hợp, công ước ngộ rộng đâu còn ở đây, có thể dùng lý cầu chứng thành diệu quả, như chính xe chở ty nam vẫn gọi là chẳng mê hoặc, phục cổ bốn chiếu soi được dụng không mê, hướng chi sáu ngựa đồng hàm muôn dòng chung suốt, mặt trời mặt trăng trải qua bầu trời, cõi này chưa thôi, sông biển và đất đâu đáng nói, bởi nơm bẫy vào đạo, chúng sinh có ngộ ở đây.

NAM TÊ, HOÀNG THÁI TỬ GIẢI GIẢNG SỚ (Thẩm Ước)

Hoàng Thái tử vào ngày 15 tháng 04 niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ tư nhóm Tăng theo Đại thừa ở vườn Huyền Phổ an cư ở đất báu Cẩm Uyển, bốn thứ cúng dường đầy đủ cho Phật và chúng Tăng, chấn động huyền âm nơi sáu tiêu, xướng lời vi diệu trong nhiều kiếp, ba đại nói diệu quả kia, Thập trụ khen duyên lành kia, đứng hai khí mà nghiệp lên, lia chín tuần mà công thành tựu, đến tháng bảy đã trông bèn thỉnh

bỏ thân báu và đến kiệu, mũ miện từ tua mũ đã giáng chín mươi chín vật, xin đem sức này giúp khắp chốn u minh. Nhà của vua có tung hoa bền chắc, xanh đen hưởng phước nhân thọ, nếu có trôi nổi ở biển khổ được tùy lý ngộ. Rụng thể lệ đường không xa đây, mười phương ba đời đều chứng lời ông, đây thế đều tội không chứng Chánh giác.

TỀ CẢNH LẶNG VƯƠNG PHÁT GIẢNG SỚ (Thẩm Ước)

Lớn thay! Diệu giác là nhiệm mầu, vô tướng chẳng phải sắc, không, không thể cùng tốt, mà lập lời dạy dỗ để hấp dẫn làm phương pháp. Sóng từ nước tuệ dẫu có thể tưới thấm mà đâu biết nguồn kia, thiên linh sách báu xa tham rộng chứa, bởi không chứng mà nói, đến nơi nghĩa chỉ trời nêu núi, văn ẩn ngoài giao hà, lại chẳng phải dứt thể mà đếm được. Đến nhiệm mầu của Kỳ Thọ, Yêm Viên, rộng chánh thuyết Nhất thừa bốn đế, lại dịch mà chung kẻ bậc trung, đâu không là một trong hàng sa, mà nguồn lời biển rộng, đường lý sâu xa linh hiển, dẫu dòng chữ phụ tiếng vang, muôn xe đồng khởi chia điều, rải lá, lìa văn, che cầu, chứa bằng trong muôn một.

Cảnh Lặng Vương điện hạ thần vượt thượng địa, đạo trùm sinh tri, cây nghiệp báu ở bốn minh, ngưng chánh giải ở xứng niệm, như sự sâu xa của Phương Đẳng sự mầu nhiệm của cam lồ, đâu còn có không đạo đường kia mà mở nhà kia. Tạng bí mật giúp các nước phía Đông. Chẳng phải không đều nhóm, đều rõ ràng dùng sách báu, văn dùng chữ lệ chữ triện, ngưng ánh sáng ngọc Quỳnh Tứ, sáng rỡ màu Dao Đẳng, suy nghĩ muốn mở bày lời vi diệu chiêu cảm người chưa ngộ. Bèn đến ngày 08 tháng 02 niên hiệu Vĩnh Minh năm đầu đặt tòa giảng ở Thượng Đế, nhóm danh Tăng ở Đế Kỳ (chỗ vua ở) đều nói sâu về chân tục so lường danh tướng, chia nhỏ chẳng dính mắc, còn nghi như hiểu, đồng nhóm mây pháp tinh lư trong dễ, diễn huyền âm ở sáu tiêu, mở pháp môn nơi ngàn năm, đồng đúc nơi thật thanh sự lớn nhất thời đại. Từ Pháp vương giáng sự cứng cõi cho Tăng, điều chở như sau để ghi việc này, bèn làm bài tụng rằng:

*Mười hiệu thân vắng lặng
Dấu vết do Thánh ẩn Dạy
dễ từ lời nói
Dày đặc đầu mối pháp
Vời thông minh sót nơm
Nêu tiếng trụ nhiệm mầu
Vọt lên hoa sen báu*

Văn truyền đi rồng chừa
 Nghĩa tràn đầy cõi trời
 Chỉ có vua bắm chiếu
 Đạo trùm thêm ngọc tuyến
 Sao trùm như màn báu
 Mây mở chiếu Phạm thiên
 Suy nghĩ như ngựa chạy
 Lý chẻ ve mùa thu
 Cờ linh màu sắc sỡ
 Nước chánh khởi liên tiếp
 Nương đây mà chứng quả
 Thường dẫn dắt duyên thơ

Bài Thứ Nhất: CÁNH LĂNG VƯƠNG GIẢI GIẢNG SỚ (Thẩm Ước)

Nương hình sáng hóa quyết do đường ủy khí, nhân phương dẫn lý quyết đồng chất tiêu thiên, do đây nêu điểm linh ứng sâu xa, Thánh dẫn sinh cung vua, trụ mùa sỡ ngang, dừng hoa nơi ngày tháng. Cho nên có thể nhóm từ thành Thánh, chồng nhiệm mầu thành không, thẳng thần chiếu đường nơi đạo tràng, cứu gốc mê nơi bờ khổ. Đệ tử là Túc Tử Lương, gột rửa lự phiền, chánh nghiệp lâu tình phía Nam, nghiêm túc Tăng anh tài, cung kính bày sách tuệ, thẩm chứa văn sâu xa, mây mở mưa rơi. Nay phách đầu đan quỳ, ngày huyền thượng sóc, người bước ngưng tưởng, hư không sáng thuộc tâm, dấu thần tích hơi xa xôi mà để trần ở nơi đây, bèn trang sức điện Diên Tảo, trường, màn đầy để khế thành kỳ sự, dựng nhóm báu này. Suối lan sóng vọt, đầy dẫy mây hương thơm vây quanh, lý mật sâu xa, chú màu kín nhiệm, tông điều đã nêu, tội công thành tự, nhà luận cuốn tòa, trống nghĩa dừng âm, nương đây phương duyên định lên thượng trụ, mười phương ba đời có chứng không sai.

Bài Thứ Hai : LẠI CÁNH LĂNG VƯƠNG GIẢI GIẢNG SỚ

Tội nhiệm mầu các tượng, ân vắng quyết thông, lý trùm các phương có cảm đây ứng, từ tiếng loan liền xương, vầng ánh sáng rực rỡ, tướng hoa không truyền thể vọt đất đã xa. Hạnh lời vào đạo, sự khó tạo thứ lớp, một phen ngộ giai cấp trống không, hiệu cách nơi khoảnh khắc, nếu chẳng nhóm lông thành dày chứa đước thành sáng thì không do phép tắc cửa tuệ buộc thuyền nơi bờ pháp. Đệ tử dùng đêm cảnh giác

chở lòng, nhưng ngày không đủ, cho nên kính nhờ danh tăng diễn bày sách sâu mầu, chấn nhỏ khởi trệ luân động mây xa, điện nguyệt cung hàm, phách huyền lên ngày, cam lồ đã cùng tiếp lời ở tòa báu, cuốn văn bỏ tòa, áo giầy hướng nhau, lại chỉ có trước sau bảm thọ linh đẹp đức hợp cảnh qua hiên, đạo chở gò hoa hóa mát sông Hiệp, sông Phần, sớm bỏ cung Lan, tối trái tiêu dịch, ngàn xe không theo muôn chuông không kịp, trọn buổi chiều không nổi năm ngăn, muốn báo đó thật suy nghĩ nổi thanh nhiều kiếp, kính lễ thân thể để đầy đủ cúng dường, nhờ đây u thông cầm giữ tình Diệu giác, ngưỡng mong Thánh linh mau lên ngôi báu vượt biểu bốn thiên, ghi tôn mười hiệu, chỉ có đây ba đời đều chứng nơi đây, dám thệ đơn trung kế phù hợp ánh sáng mặt trời.

GỢI THƠ CHO AN SĨ LƯU CẦU Ở CHÂU KINH

(Tề Văn Tuyên Công Tiêu Tử Lương)

Ban đầu Lưu Cầu làm quan ở Đương Dương sau làm quan ở quận Nam vừa mới tự khởi. Ban đầu sự phủ áo, lúc ba mươi hai tuổi người lu-
ận sánh với Hán Sơ Bính bèn tránh cốc lia hột gạo, ăn truat mặc vải gai
vải bố dếp cỏ nhà tranh vách đất, lễ tụng, chay trường sáu thời không
thiếu, kinh sách thế tục không tu, sách vở tiểu nghề tất cả dứt hết, chỉ
nghiên cứu tinh chuyên lý Phật, thuật thiện không thọ báo, đốn ngộ ng-
hĩa thành Phật, ngay lúc đó đầu thể khuất phục. Chú giải các kinh như
Pháp Hoa v.v..., giảng đại tiểu các phẩm kinh Niết-bàn.

Niên hiệu Tề Kiến năm đầu, có chiếu chỉ cho ông làm Vị Thông
Trực Tán Kỳ Thị Lang nhưng ông không làm, vẫn nói rộng về chánh
pháp do cầu tinh thông lý nhà Phật muốn kia đông hạ Cầu thơ rằng: Đền
ngọc lên năm, thương vàng ở Luật, nóng mát mới đổi, động tịnh chỉ an,
siêng mùi đạo, màu mỡ may mắn dẫn dắt nhà thượng đầu không vui ư?
Tôi thật rất may mắn, trăm họ nhất tâm chúng sinh không bệnh, sánh
nhà có thể phong toan lại cầu gì? Nhưng thơ Lương riêng ôm bản thiện
phân tích không xin nói đó ông thật hiểu lòng ta cho nên không xa ngàn
dặm thước thơ ý đạo. Tự trong sạch đã xong tưới tắm thấm ướt áo thay,
ẩn hiển là thuật so le, nói nín là đường xen nhiều, hoặc trang sức trí để
kinh động ngu, hoặc kích động tình để ngộ tục, hoặc dơ mình để ám
thông, hoặc làm ca để sáng đạo, buồn ngựa mỗ dê chưa đáng làm mỏng
bền chắc kia, giả điên như ngu, đầu thể làm đen được màu trắng, quan
Sở Phiên Ngụy khí người ngoài càng xa, đến Hán đến Lương, vận trong
khu vực càng ít và xúc phẩm nặng nhẹ kia, được mất kia, thì vực nhớ
suối thường, đầu hoặc thể đó, xưa xuôi rảnh rang lâu mộ đại khái, dấu

bụi thô to tâm buông sông hồ, chưa mặt tự thấy, nghe gió như xưa mà xa nương niệm theo xe, lễ thức cung không bậc, vốn đã đứng lâu trực sâu ở trong, nghiêng sọt đường xa.

Ông mạnh mẽ riêng xa thật khó cứu, chí trong cùng mây trắng đồng đi, cao tình và thông xanh cùng trong sáng, nói tập chất văn, đen rừng khô mà càng vui, hiện rõ có không, sông Liên bị lấp nên lại tràn, cái gọi là người quên lời có thể bàn mé trời người, đầu thể phụng nêu hạc lại có tâm bầy đàn. Vượt cao biển ái, sánh buộc đường thiền, thắm ướm soi đó thâm đạo khuất pháp lữ Linh Thứu, mở rộng ba thừa cùng tử, phát khốn mộng hai đế, có là nhân, đâu có xương ư? Nay hoàng phong đủ mục đến đạo giúp rộng, bốn biển không tràn đầy, năm núi ngục không bụi trần tựa giao sữa sang, kinh pháp mở rộng, người nghèo ky Hoàn (hạt châu hình bán nguyệt) nhà tập lễ nhường, chuối tô quyết thời rừng ngoại ô toàn rậm rạp. Gặp lưới có mắt cánh đều liệng, đến từng núi bật, thắm nhuần đai ngọc khơi thông kinh kỳ, đất ruộng màu mỡ, đồng trống bày trông không giảm, tin có thể gọi đến, ẩn luân tê nhóm rất kỳ lạ, cho nên văn nêu dựng nhà tựa thành đài. Kế tông cấm vịn nên núi Tây, dây sắn lớn chọn bàn nơi biển núi. Thích Viễn đầy đủ ẩn lánh nơi u tối, thường lẫn lộn dấu vết liền than sự sâu của chín nguồn, nếu bước cao có thể trùm khắp nào lo gì bốn chữ. Xưa Tuyên Ni thấy Bá Tuyết, Sư Lợi đến Duy-ma há không biết đạo quên tướng ư? Thiết nghĩ có đó chưa bày ở giữa là đạo tự thương, một hai khiến Lăng Cư miệng đủ lời Vương Nguyên Trường.

Vua lại cùng Nam Quận Thái Thú Lưu Cảnh Đình viết thư rằng: Mùa đông năm ngoái nhân vua viết thư cho Lưu cư sĩ, mùa xuân năm nay được ngược văn kia lời lẽ ý thú nhanh nhẹn, đủ có tài thao lược, thật ông múa bút mây, thơ ghi Nguyên Du bày lại hỏi thăm càng thêm ý tưởng kính phục. Đây là ông ngâm chân ôm phác sánh khắc rắng mây, trái tục ở tối, vui ở rừng thực nuôi chí Nam Kinh, có thể cùng Biện Báu tranh giá Thao Quang, Phạm Phục vốn đồng chiếu theo cùng sáng, dẫu Nhan Đoan chậm dừng, kính mong vắng lặng của Dương Trịnh, lãnh đàm yên tĩnh, giữ đó như người, tin sẽ đồng ngày mà nói?

Vả lại, nói tánh trời đạo thiền tâm tự thụ, ai vui chín bộ nghiên cứu vị ba thừa, Bồ-tát tại gia thực hành đó mà không ân hận. Cư sĩ tại gia tức đó mới dễ, thế đem đèn đuốc tuệ đến chỗ tối mù, cứu người chìm đắm nơi cầu pháp, quạt Linh Ngạc giữ gió gương Trinh Lâm dứt bóng, tôi ở trước đã đồng tình khế hợp càng đến mà đạo chơi vườn ở kinh đô, trong lấy núi sông giả nhờ thần thông xa càng thâm giao. Bình

minh sáng rõ ai tả được vạt áo chẽ sâu, nói rõ ý chỉ sâu xa, dấu vết sinh diệt trong bàn luận, nghiên cứu nghĩa đế chân tục, cho nên lại có sách riêng, cảm ra kinh kỳ ấp thôn. Ở lời hỏi đạo kế đủ vì ai thỉnh, đây quế ở núi lan nước đã đủ nhân nhĩ, bạn nho tông huyền lại nhiều bạn bè đến, chẳng phải do một tước thêm nhau cờ hiệu kia đâu đủ làm phân, thẳng đóng cửa thành nguyên chất, ngô hầu quyết có thể rõ mâu nhiệm, chợt ông đến nghi tưởng thời càng thêm giúp sai khiến. Lại khiến cầu người quê của Sử Bộ Lang Dữu Cảo có thơ dụ ý rằng: Tư đồ Cảnh Lăng Vương siêng năng ở thân, lời tượng đã dứt, tiếp nơi sự xa gần tôn sùng, chuông đá chẳng lẽ gốc nhạc, vãi thô đâu thể gọi là triều đình và dân gian. Tưởng nhớ tối tâm không cho hình hài và ngăn trở, một ngày thông sách Lương Đế, thân thờ lời lẽ, mộng tưởng nhan sắc sạch bị năm tháng nhóm, do trượng phu chẳng phải cừ non nên chỗ buộc, cho nên dứt sách hay của Bồ Bạch thăm hỏi chung tha thứ có chặm gió hện, vua bói ở ngoài thành nhọc mang sông gò, rõ ràng chẳng theo công, thông minh không nêu dấu vết, từ trong dung mạo người quê mùa để cùng hai đầu mối. Vả lại rộng được là tâm rộng bày chân tục, suy nghĩ, lắng nghe, nói biểu cùng mở xẻ các điều hay núi Thức Diên ven sông Hư Quán, thật mong rục rở ít thù đáp, suy lường chặm. Xưa đông bình vui thiện cờ hiệu vua ở lầu đông, Triết Vương mền mộ nên ta ở núi Tây đâu không thanh ư? Trăm năm phiêu bạc, dính mắc nơi vật, ngàn năm một thời kỳ làm nhân do mình. Vả lại Lăng giới trắng như tuyết, đường chẳng phải hiệu bật dấu vết, chuông lớn ngự trị há là đạo bỏ tiếng, đã nêu dấu vết dị nhân vốn có nhọc đồng vật há non nước vô tình ứng đó để hiểu ái nhân ở ta, chặm đất tiêu điều gập gò đâu có thân thích, núi Chung đâu mộng tưởng rộng suy nghĩ có ở không hề lời ràng buộc.

Trong cầu vòng vốn đã quyết, vật ngoài chẳng làm động được. Niên hiệu Kiến Vũ năm đầu chọn làm Quốc Tử Bác Sĩ, mùa đông năm thứ hai bệnh dờ về Giang Châu mây trắng bồi hồi như vào cửa, có mùi thơm lạ kỳ, trong hư không tiếng khánh thì Cầu chết thọ sáu mươi tuổi, đệ tử như để tang cha mà không mặc áo, kẻ đạo người tục đưa đám tang đến mấy trăm người, các luận đã soạn có bốn mươi hai quyển.

Đời Lương, niên hiệu Đại Thông năm thứ hai chư tử cúi đầu nơi thụy pháp, cao nhân Dữu Tân nói: “Đạo đức rộng nghe nói là văn, có thể tiến đó là thụy” Trần Thị nói: “Văn là khuôn phép ở đời, hạnh là phép tắc của kẻ sĩ”. Nãi Thụy nói: “Văn là phép tắc tiên sinh” Thái thú quận Nam là Nhậm Ngạn Thăng nói: Tôi và tiên sinh đầu tuổi đời bằng nhau mà kinh, Ngô mấy ngàn dặm chưa từng gối đi dưới gió bấc

thừa các luận, há thẳng phát giận ngay năm, vốn cũng hận sâu trọn đời, đêm vắng lặng nêu bày Kiềm Lữ, Hàn Trác mộ Cự Trọng cây vốn đón ánh sáng, bụi nường gió bay, chính lại mong hương lý xa, nhớ mãi ngàn năm. Nhưng người kia tự cao, dù cho trải qua ôm chối ngày đêm quét cửa, không hề thấy một tắc của ngàn nhẫn ngói rãnh của muôn khoảnh, hoàn toàn đối mặt muôn cổ đầu thể kịp cửa. Cho nên do đây hận ngàn năm”. U Trinh Tử Ngu Hiếu Kính nói: “Sự hiểu biết của người kia quan Thái Thường đời Lương cùng ông tốt, cầu vị tiên kia để thơ lại”, kể lấy đó làm truyện.

THỈNH VUA GIẢNG. KHẢI VÀ LỜI ĐÁP CỦA LƯƠNG HOÀNG THÁI TỬ CƯƠNG

Thần Cương, Thần Luân, Thần Kỷ nói: Thần nghe cung tím sáng đẹp nhiệm mầu, hiện đài ở núi xa nghe sách hay, do đó đạo càng thanh mà lễ càng phức tạp, đức càng rộng mà sự càng nhiều. Đây là do ảnh hưởng đến tôn đài, là gốc dẫn dắt chúng sinh, phục vọng là điện Đại Quang Nghiêm, mâu thần rử phép tắc xông lên trời mở cõi bờ, công sâu lớn lao, sự giúp rõ văn, nghi kiến thiết tốt bực, mây mở tạo đèn chiếu tam quang hàm vượt trăm ngàn dặm, đều gọi là tâm hoa nêu bày lại chẳng phải sức thợ khéo, thần thông hiển hiện không nhờ ông đến mà thành, thật chỉ có cõi tịnh, vốn bật lễ trông coi đôn đốc. Cung Thích cao xa lý không tiệc nai kêu, trộm nhìn chỉ có nhà xinh đẹp thù thắng, Bồ Sư ở đây Phật hống, nơi điện ma-ni Như Lai cũng mở giảng pháp âm, cúi mong thân giáng nhìn dung mạo rười cam lộ, rõ ràng mây tuệ thấm nhuần mưa từ, ánh sáng này thanh nghiệp dẫn dắt chúng sinh kia, lại ở trời mà nói vô tướng đồng chân. Kiến lập Phật sự mà giúp thống lãnh cõi nước giáo hóa kẻ tục, đồng chân hóa tục, chí lý thay! Một nêu mà ba đẹp hiển há không lớn ư? Cùng kia trên núi kinh truyền dưới núi Nham, đồ tây phụng hoàng gánh vác chim nhạc trọc, đâu đủ cùng ngày mà nói ư? Dám lộ đờn ngu phục đợi bền được, nhẹ can xem nghe, chấy mồ hôi chiến nhiếp. Kính khải.

Xét khải. Muốn cần ta giảng đủ ý các ông, sách nói: “Một ngày hay ngày muôn cơ, nay lại qua đó”, tuổi già gốc thực, hơi sức suy dần. Gánh vác tấm màn đây có càng thêm gánh vác, trong ngày có khi được ăn một bữa, có khi không được ăn. Châu Đán nhổ khắc năm chưa đủ là nhọc, vua Sở ăn chiều cõi nay chẳng phải tha thiết, chưa sáng cầu y cây bút đến luôn nghĩ. Ban ngày nhọc nhằn ban đêm suy nghĩ tinh hoa đã cạn kiệt, mấy thuật nhiều việc chưa được cầm lấy, và việc nước

chẳng gởi đâu được ngồi bàn, cần phải nói làm dân an mới phải bàn. Việt sắc.

LẠI THỈNH VUA GIẢNG VÀ LỜI ĐÁP CỦA VUA

Thần Cương, thần Luân, thần Kỷ nói: Một ngày rất nhẹ nhàng xin tâu lên, xin rủ mưa pháp, trời soi ngưng xa chưa mong giáng được, dự đồng thuốc chưa thành đồ đựng nước bằng đồng, luống đẹp hoa xuân lại thương thu xưa. Cúi xin bệ hạ, đức trù nhận nước đạo giáng lời hay, bốn, ba, sáu, năm không thể dụ, mười Nghiêu chín Thuấn không dùng phương, mà gió thu lay động, còn cùng niệm chưa dứt, một vật mất chỗ dụ như khởi nhận nhân hào mời lưu tình nhà ngã tư, chưa bàn cầu thạch cừ, trộm dùng thần thông hiển hiện một niệm muôn cơ, đại quyền chỗ làm ứng thời ba mật, còn chỗ thiên tịch ảnh hiện mười phương một phen khởi đạo tràng đã là tám hội, há cùng sau thời luật đều nhọc Hùng, Tương. Vua đức đảnh, tha thiết việc gió mưa cúi xin dùng tuệ bình đẳng hành lòng từ Như Lai, vì độ chúng sinh giáng việc ít có, khiến sớm đủ tình nhất thừa, đều là mười điều lành, trí châu, đức pháp người người đều giữ, bốn nhần năm minh nhà nhà hãy mong. Xin mạo oai trời để khải tấu, ngẩng đầu thành chú, cúi mong đầy đủ, khiến bắc ký không núi há lại tự cao ở ngày xưa, Nam dương hội bóng không riêng ngại ngày nay. Kính khải.

Xét lại, vẫn muốn cần ta giảng nói đủ ý các ông.

Đã nhớ, cũng không khác lời đáp ở trước, bên duyên chưa vào nước qua nhiều thiếu sót, các việc như vậy thường cần qua chấp nhận, còn các phiền toái khác chẳng thể nói hết. Lãnh đạo đất nước chưa an, người ăn rau chúng gồm giúp tiếp nhau, thưởng cùng vị Chu, oán trông thì nhiều nhớ âm thì ít. Đời Hàn lẫn lộn và giá cả thích hợp nên cũng suôn sẻ. Nhà Ngụy không Ngô Dương Phụ vẫn gọi là đáng thương. Huống chi ngày nay móng răng tâm bụng không hai quan, lại nói đạo người nơi màn trướng, bốn thông không mở tâm đạt đóng bít đường, vương hầu tuy nhiều chỉ thành luống gởi. Ngày nghiêm ngặt, đêm cảnh giác như đao sương để mục nát cỗ xe sáu ngựa đầu đủ làm dụ, thì không hề nói ư? “Người biết ta gọi là ta tâm lo, người không biết ta gọi là ta đầu cầu”. Mới ngày nay tin chẳng phải bàn rằng: “Các ông muốn vậy tự có thể khiến chư Tăng ở trong mây dày nói đạo nghĩa”, Việt sắc.

Lại thỉnh vua giảng.

Thần Cương, thần Luân, thần Kỷ nói: Dám nhờ sự yêu mến nhiều lần con nghe xem, lại giảng ý thần chưa rủ đến đèn, xin để hoàng chánh

sâu rộng, trời che ra xa, biển sông yên lặng, mặt trời mặt trăng sáng tỏ, túi nước có hồ xưng phiên, con đường bản thảo có chỗ quay về, đem giáo đi cất giấu, bụi thu không bay, gai hóc đều là thơ nhiều người, điều đang có được bài tụng bậc hiền, Thánh đức hướng về khiêm tốn nhọc nhằn buổi chiều xế bóng, dụ như thời gian nhiều Vô than vật chưa hiểu tâm. Trăm thí dụ hổ thẹn các ty cao vút, bọn thần hoặc ba thiện chẳng nghe, hoặc một quan không bắt chước, ham muốn Bào Phùng Tế Tướng thỉnh học nghiệm được tham dự bàn luận quân, mà tự để kết gốc thiên uyển, trộm cao năm trước, do đó chẳng sợ làm dơ bản lại dấm tâu lên, cúi xin ứa nói đại từ rủ lòng thương xót phóng quang động đất, không cho là pháp ngại tục, tùy cơ cho thuốc, không do người bỏ lời, thấp hàm sinh đây phạm thiếu cội làm đích. Tâm hoa thành cây cùng chuyển sáu trần, trong gương được hạt châu đều mở ba chướng, ở đó thật nguyện ai không mừng vui. Mạo muội vào chốn cung nghiệm càng thêm chiến dốt. Kính tấu.

Xét các ông khải tấu lại đủ sự mong mỏi, các ông chưa hiểu hết gian nan của việc cây cấy, đâu biết gánh nặng của thiên hạ, vua chúa tâm thường thiếu hiểu biết sở dĩ tiếp nối lật đổ đều do lúc an không suy nghĩ sự nguy hiểm, hướng chi lại chưa an ư? Soi xét không xa chỉ ở ngay trời trước, nay ta thực hành tuy khác xưa nhưng biết sợ giảng nói không buồn lo việc nước thì khác thuật mà đồng mất với người kia. Kinh Dịch nói: “Kia mất buộc ở bào tang” đây thì cẩn thận cảnh giác mà sau khỏi, các ông hãy suy nghĩ việc đó, một, hai đủ như sắc chỉ ở trước. Việt sắc.

TẠ THƯỢNG GIÁNG VÌ MỞ LỜI GIẢNG KHẢI

Thần Cương Khải, Xá Nhân Từ Nghiễm kính đọc.

Sắc chỉ, không ngại đại từ, không trái bốn thế, tháng giêng năm đến mở nói kinh Tam Tuệ vãng mệnh trong chiếu thân tâm vui mừng như kẻ đói mong cỗ tiệc ngon, so với niềm vui này vẫn chưa bằng như người nghèo được của báu sánh đây chẳng dụ được. Cúi mong nguyên chánh mừng đồng đại cầu lễ xong, mây tuệ tiếp tục thấm, mưa pháp vẫn tưới xuống, ân lớn xuất thế cùng trời xuân mà rải thấm nhuần, hàm linh thấp kém đây tùy thuốc mà được thêm lớn mạnh, khen đồng vạn phước thâm chín vi, đâu gặp ngu thần được điều chưa từng có. Kính cẩn nay tuyên sắc lệnh báo giềng mối, đủ hướng về nhau không lời tạ tấu, kính khải.

PHỤNG THỈNH VUA KHAI GIẢNG VÀ LỜI VUA ĐÁP

Thần Cương nói: Trộm nghĩ chân như không thể nói, chẳng có nơm bầy thì không ngộ, cực quả không nên chú ngưỡng chung ở đây, cho nên món đồ có duyên nước mới thấy hình bóng tròn, thuốc đều dưỡng tánh, được lòng từ của mây tuệ. Cúi xin bệ hạ gương ngọc ở cung son, xe vàng đạo đời, ứng thích hữu vi giúp lợi ích chúng sinh, không trái bốn thế mở đường dẫn dắt người ngu muội, đều khiến Đại thừa ở mười phương, vận chuyển nhân thọ ở vạn nước, há chỉ trị ruộng lúa công bằng tạo hóa, chỉnh sửa núi sông, cho thành thiên hạ, trí cao chín Thuấn, thông minh vượt mười Nghiêu, thường theo xe vua giáng mưa cam lồ trời người nhảy múa, hâm sinh lợi ích, do đó trái dòng biết ngược bờ mê biết quay về. Thần tự tạm được dự hưởng đến nghe pháp khát ngưỡng không nhàm một ngày mạo muội bày khen ngợi, cúi mong lại chuyển pháp luân, chưa quay lại suy nghĩ nghe mình, còn dứt nguyện của ngu thần nhanh chóng tác chí lại dám vạch cầu. Cúi xin đem giáng một âm thương xót ba lần thỉnh, giúp gạn lời nơi Thành Vương-xá, nhóm nghĩa màu nơi gò báu, tâm Thánh đồng xem chúng sinh như con một thần thỉnh tức là khắp giúp vô biên, như do đây chấp nhận các trông mong cũng đủ, hai vai gánh vác đầu dám làm dự, không nhàm nguyện sau, kính cẩn mở sự tau lên.

Xét tấu trình, đủ như ông mong mỗi, pháp sự đã tốt đâu không vui mừng, ta các duyên trong ngoài lo nhọc phân vân đều ăn hơi không dấu vết. Bỏ việc, bàn đạo là lúc chưa rảnh rồi, ông tiện vì chưa thể nhận nước nhà. Việt sắc.

LẠI TẠ TRÊN GIÁNG VÌ KHAI GIẢNG

Thần Cương khải tâu: Riêng nguyện thành khẩn thương mạo đến chỗ cung cấm mong giáng mưa cam lồ khắp giúp tam thiên đại thiên, trời nghe rất xa chưa rữ giám soi theo, mầm sớm thấm nhuần đâu sánh tự thương xót, nấng lên chim nhớ rừng đâu sánh với sự khát ngưỡng, do gần đại Tăng chánh tuệ lại dám cầu xin, giáng đến sắc chỉ rử lòng chấp nhận tháng hai năm tới mở đề kinh Kim Tự Bát-nhã, ân đặc biệt lại ứng ngu thần thỉnh, cúi lạy cung kính tau không xiết kể sự vui mừng, thân tâm vui vẻ như chạm từ quang, tay chân múa may nghĩa chẳng phải tập khí còn sót. Cúi xin thành thớm lời nhiệm mầu thật kính mến văn thần, thấm nhuần mây mưa càng sáng mặt trời mặt trăng, khiến cho đường mê biết chính là đại mộng buổi sáng. Phạm Chí sợ đến ma trời lễ từ xa, Đề Hoan đã nghe mà nay được nghe, Ba Luân chỗ cầu mong đời lại

xuất hiện, kia vì lợi ích sâu rộng vô biên, chín vì được ngộ mười phương mong hiểu, dẫu lại biết khởi ban đầu dòng tâm và niệm chót, mới đáng chung tổn năm cái, đều chiếu một không, vôi vọi mệnh mông khó mà dụ được. Thần vẫn mở tuệ khiến tiếp tục đọc sách này, Đại thừa khắp dẫn dắt là do Thánh từ, cong bút hết lời đầu bày gánh chở, không nhậm tình sau, cần mở sự tạ ơn tấu trình, kính khải.

VUA GIẢNG TỰA KINH BÁT-NHÃ

Lý đến rốt ráo mà chiếu trọn nơi vắng lặng, vào ba môn mà rõ quán, dẫn dắt năm trước mà vượt bến, thí như sáng rỡ đèn xa tà mà không chạm, như kia mặt trời xuất hiện chỉ bày nhất tướng để đến đạo. Từ La-duyệt mở mang lời mẫu nhiệm, cõi Chúng Hương rộng mở câu diệu kỳ. Di-lặc nêu chữ ở Viên quang, Đế Thích nghĩ thiện ở minh chú, thọ trì đọc tụng thần lực chẻ gió mạnh, cung kính tôn trọng phước lợi càng đầy ở tháp báu. Bởi chúng Thành tròn tốt mà làm gốc nguồn nơi muôn pháp, Hoàng đế chân trí tự mình đại từ ứng vật, đón rước mặt trời mặt trăng bao bọc trời đất, trấn, gió nhiều ba mùa, nhóm sụp đổ phong tục năm đời, ra đến ngã tư nhà lui việc giúp ở, chẳng cho nhà vàng là tôn quý, thường nghĩ nhớ đến chúng sinh, đức khắp cõi bờ chưa đủ nói lên lòng chí nhân, lý dứt danh ngôn lại hết lòng mật ngữ. Xưa đèn tuệ ẩn ánh sáng, pháp tạng chia dòng, ba thừa rong ruổi, năm bộ trái lầm, quả trách hẹp kém, luống rước ánh sáng mặt trăng đen. Tỳ-đàm nói: Bồn chồn đeo mang, chưa thấy báu Thẩm Châu, từ Thánh Hoàng ứng thời kỳ tham cứu tột diệu cơ, quyết tan quần mê dẫn dắt dị học, tột rộng lớn của thiên cung, cùng bí mật sâu xa của điện rồng. Vì thế phát Đại Bồ-đề rộng hồng Bát-nhã, dứt hẳn phiền hoặc, đồng về thanh tịnh, thấm nhuần cam lồ cho chúng sinh, chuyển pháp luân không dứt, trên trời soi mười một năm chú thích đại phẩm, từ đây về sau cùng sự giảng nói lại để rõ ba tuệ rất là sâu xa bèn đưa ra một phẩm lập riêng quyển kinh, cũng nhờ năng lực Quán Âm đặc biệt mở rộng chương Phổ môn, trụ lên hạnh sâu, bèn đưa ra phẩm Hoa Nghiêm, cho nên để tiếp nêu cơ cốt yếu soi ngộ cho người mới học.

Đại Tăng Chánh Tuệ khiến cho thượng thủ pháp môn cũng tổng trì thần túc, nguyện đồng lời hỏi của Tu-đề, bèn đồng lời thỉnh của Ca-diếp. Bèn thỉnh vua giảng nói kinh này. Có chiếu chỉ chấp nhận mới lấy ngày 12 tháng 03 niên hiệu Đại Đồng năm thứ bảy giảng kinh Kim Tự Bát-nhã Ba-la-mật Tam Tuệ ở điện Trùng Vân trong vườn Hoa Lâm. Vườn Hoa Lâm, từ Giang Tả về sau sân sau dạo dọn yến tiệc, từ Tấn

đến Tề gần hai trăm đời thuộc Oai Di Chủ nhiều thay thế quá đáng, nhà vũ quán chuông v.v... nên xưa A phòng, ao rượu rừng thịt đồng ca sớm, cho nên tự đến cõi vua loài người đều bỏ thính sắc, mỹ nữ trong cung quy ngưỡng, cùng vườn linh với thứ dân, lại do vườn hoa tàn héo mà ngộ tất cả vô thường, đài báu giả hợp giúp mười phương bền chắc, bỏ vườn trời này mà dựng lập đạo tràng trang nghiêm pháp sự, nhóm họp chúng tăng, tiến vào cõi thần kết bóng mát núi xanh, vọi vọi lầu gác đến trên đan trĩ ánh sáng rộng khắp có đất Yêm-la xa, thân tâm an vui thật là phù hợp vườn hoan hỷ, ở thời ba xuân cong tiết, vạn vật duỗi tốt tươi, gió nắng thuận hòa không lạnh không nóng, hoa xinh cây báu soi rọi bảy lớp, đáy ngọc cát vàng sóng nước tám đức, mở rộng suốt cửa cao nhóm mây đại chúng, hưởng về pháp tòa để bỏ âm ỉ, nghe chuông ngân mà vắng lặng. Hoàng Thái tử trí đồng Tất-đạt đức vượt hơn Đàm-ma, bỏ tục vui của ba cung, kéo dài hai tòa để hỏi đạo. Tuyên Thành Vương và Vương hầu tôn thất cũng đều phát tâm tâm đều tu tịnh hạnh, xông hương giới để khắc thiện, mặc áo nhuộm mà thành tựu nhiều, che chở ve đội mũ miện, rấn đội mũ đeo đai, sắp cửa vàng, bên thêm ngọc, ngay thẳng thành hàng đã cảnh giác, cấm hưởng về phía Bắc, người chuyển sang phía Đông, cửa bày rõ ràng bên cạnh nhỏ khói thơm, mặc sắc phục cõi Tịnh Cư lên tòa Tu-di. Tám món tiếng nhiệm mầu phát lời không ngăn trệ, mười phương cất tiếng tùy loại được hiểu, nghĩa rất sâu ở nơi mức đồ mà khó cạn hết, biện tài vui nói đã qua rồi lại mà càng mới, còn bậc lão học kỳ Tăng tốt huân thiên chấp chuyên bắt chước số luân, chưa rõ văn kinh, biến ý nhỏ để xứng lượng, rước thiên tôn mà nêu lên lời hỏi. Về thế cầm nắm đao tuệ cắt bỏ lưới nghi, chỉ bày cho kẻ mê lầm cách thức quay về nẻo chánh, đều rõ ràng giọt nước vui mừng đầu đội, như hoa sen dần nở, như trăng khuyết lại dần tròn.

Phàm các Thánh chúng từ Hoàng Thái tử, Vương hầu hoàng tôn quốc thích nội ngoại và Thượng Thư Linh Hà Kính Dung, trăm vua khanh sĩ lỗ sử, chúa Thôi Trường, Khiêm Sử, Phó Dương, Thôi Chi và tạp sử ngoài cõi có một ngàn ba trăm sáu mươi (1.360) vị đều đạo đường cứu dịch xa xôi muôn dặm. Xin mở mang để chở, nở hoa trời mà nháy nhót đầu mặt bày trọn lễ, khen ngợi từ bày biện dưới kia. Và chỉ thỉnh Tăng nghĩa học cả ngàn vị ở chùa Đồng Thái, đem lại chế nghĩa và đàn việt giàu có nổi tiếng trí hiểu như sông biển, truyền tập như bình vẽ, phúng tụng giống như mưa nhanh, Sa-môn Thích Pháp Long gần trăm tuổi, học khắp ba tạng, biết suốt tám thiên, nói pháp độ người hiển danh phía Bắc cửa tắc, nghe Trung Quốc ứng giảng kinh Ma-ha Bát-nhã cho

nên từ xa đến. Bấy giờ Tăng Chánh Tuệ vẫn chưa diễn giảng, kẻ đạo người tục ở kinh đô cũng biết vua đang giảng. Đến ngày phát giảng lại có chúng Tăng người nước ngoài nhiều không thể kể hết và chúng không biết đồng nhóm dưới pháp tòa. Cho nên biết phát ra ánh sáng khắp soi địa thần tuyên bố đầu nhọc khiến rong ruổi, thâm phù hợp lúc trống tin.

Thích Pháp Hiển trụ chùa A-dục vương huyện Mậu, Cối Kê tu tập khổ hạnh chí cầu tuệ giải, đã đồng tư duy của Uất-đa, cùng đồng khẩn thiết của Ba Luân, bèn ở chỗ giảng tự bày nguyện lực, cắt máu rưới đất để nói lên lòng chí thành, khoét thân cúng dường, chẻ xương chếp kinh, quy y chánh pháp chẳng tiếc thân mạng. Dùng nay trông xưa tin chẳng phải lời luống dối.

Giảng suốt hai mươi ba ngày, từ lúc khai giảng đến bế mạc, mỗi ngày cúng dường khắp cả kinh đô, quan văn quan võ quân hầu bảo vệ đều thêm ban đội, trên sàn nhà thiên hạ hơn bốn mươi năm, cùng việc nghiệm ước thể an rau cải sơ sài, thường ngự điện nhỏ che chở gió mưa chỗ ở màn tòa chỉ ở dung chứa đầu gối, ngoài bật lễ ba khu trong gồm yến ngàn chuông, bữa ăn ở bàn tay năm rút bỏ muôn vàng, phí nhét sáu năm giảm, cự ước bao gồm để rộng thâu địa lợi, đồng vào châu báu vét biển, tràn đầy suối phủ dụ vô tận, nơi rộng vàng, cho nên có thể chẳng nhọc sức người không tổn cõi nước, tài pháp gồm thí cùng khắp không khô cạn là giảng. Linh dị loạn xạ không thể nghĩ bàn: Một thì tượng Phật trong cung đều phát ra ánh sáng. Hai là đại địa chấn động đủ các cách vọt chìm. Ba, là ban đêm mưa mát ban ngày tạnh ráo, rơi giọt dàng, hoa xinh đẹp, bụi đất không khởi. Bốn, kiền chùy đã kêu, chiếu giảng đã hợp, vai nặng trở ngại tụ hợp trần đầy bốn cửa mà người ngựa điều hòa nhiều ngại nhau. Năm, tòa thí pháp chỉ ngồi muôn người mà hàng sa đại chúng lại không chật hẹp. Sáu, bốn bộ rộng xa đều nghe lời mầu, ngoài hiên nghe nhân rõ ràng. Bảy, đồ thanh tịnh cúng bày đầy nhà bếp mà chẳng phải làm từ đêm, đồ ăn ngon đúng thời trăm vị đầy đủ. Tám, hương lạ dày đặc, theo gió chạm đủ. Chín, nhạc nhã leng keng tự nhiên phát tiếng. Mười, đồng tiếng khen lành khắp cả hư không.

Đây bởi tiên Phật chứng thấy, chư Thiên cảm ứng, vượt báu linh xưa, mưa hoa điềm lành xưa. Bấy giờ cõi nước vỗ tay hàm linh vui mừng, nguyện dự ruộng phước tranh việc hỷ xả. Trên đều khu tâm kia, dấu vết vì phát đại nguyện, trộm lấy một câu phụng trì còn chúng sinh lành hai chữ kinh vẫn là bậc thêm quả báo thù thắng, huống chi rộng chỗ Đại thừa tuyên dương chánh pháp rộng khắp, đồng phát gốc tuệ,

đồng đến diêu quả mới xứng đáng các hòm báu bí mật truyền chữ vàng kia, nói lên muôn kiếp dùng ánh sáng, khắp đại thiên được lợi ích, thanh thay! Tin không đức mà xưng, tiểu thần dự ở chiếu giảng dật tham sử chớ, kính cẩn ghi chép thời gian, việc làm để lập, nay ghi lời tựa.

Vua ra giảng chùa Đồng Thái kinh Kim Tỳ Bát-nhã Nghĩa Lưu Số Hỏi Đáp quyển một.

Ngày thứ nhất (26 tháng 02) phát đề kinh Bát-nhã.

Vua giảng tựa kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.

Thị Trung Quốc Tử Sát Tửu Thần, Tiêu Tửu Hiến soạn.

Bao Hy Nãi Thần, tám tượng sở dĩ thành bày, Chu Văn khắc Thánh, sáu hư được rộng bày. Bởi đạo hay tục có sách riêng, chẳng phải đại huấn chung phương, còn như Hán Minh tự giảng cuộc hạn do thuật Nho. Giảng Văn bản sơ lại tạ chuyên kinh, dụ như quán linh nhĩ vách giếng, mây mộng ở trong ngực.

Hoàng đế thể chí đạo mà nêu thanh liệt, thật thông minh mà làm nguyên hậu. Thập địa ở đây phủ ứng nhân vương, tám phước là sinh đầy quy về thế chủ, huyền giám không bờ, ban đầu của trần kiếp xa, vắng lặng soi chiếu chỗ chung gồm ngoài vũ trụ, khuấy đây không vì chỉ bày đồng hữu học, bố thí nhĩ nhục gồm tu, thiên định trí tuệ gồm nêu, vượt cõi nước mà đại xả, đã đồng thời cung vua, lờng châu báu ở tứ thiên lại đồng ngày chuyển luân, nhẹ đó như lông hồng, bỏ đó như bỏ giày cũ. Cho nên đạo nhờ vua chúa, sự cao mới bỏ, nếu chẳng phải uẩn sinh thì biết đó là thượng đức, chứa nhóm cơ thần trong lòng, rõ suốt ba minh, đồng công hai trí, ai có thể cùng sánh với đây? Kinh Kim Tỳ Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật bởi là tôn quý của pháp bộ là cực giáo của viên thánh, khai tông lấy vô tướng rõ làm gốc, phát xe cộ rớt ráo cùng dòng, nghĩa thâm sâu như mây mù, văn sâu rộng sạch giàu, người đời trước có học rõ sẽ kham nhận được.

Hoàng thượng kính mến Đại thừa, đạo trong pháp tạng, đạo đồng ý hợp mến nhớ tổng trì, thân động lời vua, khéo vượt qua giây thao đeo ấn, dẫn dắt dụ xa rõ tâm, nêu kỳ thù của không giải bèn truyền đi lấy lụa xanh khắc làm tượng vàng, đầy đủ đồ trang sức báu, phẩm vật vô giá, anh tài giỏi giang nhường sự khéo léo, vàng ngọc thua sáng, dầu vinh quang giúp vẽ sông, cõi này chẳng phải điềm lành, ngọc xanh làm tiên giản ở đây đã kém. Hoàng Thái tử nương ngày rảnh muôn cơ, nhờ nghe nhân soi sáng sớm thí như kia huân gió nguyện nghe lời rộng, ân cần tấu thỉnh rồi sau được theo. Do vào ngày mồng một tháng hai năm Quý sửu niên hiệu Thái Tuế, niên hiệu Đại Thông thứ năm, ngày

26 Giáp thân, kiệu giá ra khỏi cửa Đại Thông đến chùa Đồng Thái để giảng, lập đại hội vô giá cho đạo và tục, vạn ngựa, rồng bay, ngàn xe chấn động. Nhạc trời chín thành, Phạm âm bốn hợp, âm âm đầy ấp bụi mù chở trời, để tạo đạo tràng mà dựng ruộng phước, long bào thời không mặc, pháp phục thì tôn quý, điện hoa xanh tím, tòa dài cao rộng, thượng giới chớ nghĩ, người mới học không thể lên, dung nhan cõi trời tốt đẹp, giáng chiếu thâm chỉ, hoảng biện tài nhanh mạnh, mở rộng lời vô úy, quay vòng vô cùng, vòng nối tự mở, mặc tình thừa hỏi đã tiêu tan, nghĩa vướng mắc đồng hết, lưới nghi đều đứt, cũng như gương treo không che giấu, như rót chén rượu ở ngã tư, lại thêm chiếu dài thêm rộng mũ miện ngàn mây, đầy nhà trần mái Tăng lữ nhóm ở núi, đối riêng điện mà nặng vai, vòng cao mái hiên mà nối tiếp ngời, dùi đứng không dung, gai nhọn không đất, nường mưa pháp thông thấm, mừng cam lồ mà quên về, như trăm sông về biển cả, các ngôi sao theo mặt trời mặt trăng.

Từ Hoàng Thái tử, Vương hầu, dưới đến Thị Trung Ty Không, Viên Húc v.v... sáu trăm chín mươi tám (698) vị, Tăng chánh tuệ kia khiến đồng Tăng nghĩa học ở tòa cả ngàn vị, ngày thì đồng lòng nghe nhận, đêm lại thuật chế nghĩa, các Tăng Ni khác và chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nam nữ đạo sĩ, nữ nữ đạo sĩ, cư sĩ tại gia, sứ nước Ba Tư, sứ nước Vu Điền, quán Bắc về hóa nhân, quán giảng là chỗ ban bày biện màn cúng có ba mươi một vạn chín ngàn sáu trăm ba mươi hai vị và thân võ vệ túc trực ở hai cung, cầm giữ giáo trụ giáp vàng đều mong giảng chọn riêng chấn gậy ở tuyến phủ. Lại mấy vạn người không ở trong hàng thánh chúng. Sa-ha-na-xa là đạo nhân nước ngoài gần trăm tuổi, tọa thiền trong núi Đản Đặc, ở xa nghe Trung Quốc có buổi đại giảng nên tìm đến, cơ cảm trước thông, tác thức muôn dặm, ngôn ngữ không hiểu phải dịch lại bèn giảng nói, giải Tam tạng tình thánh chiếu xa.

Lại sứ nước Ba Tư, vua An Câu Việt, cõi đất xa xôi y phục bỏ phế, bèn tham dự tòa gần. Quỳ lạy đầu trần mừng nhận điều chưa nghe, nhiều hạng xuất gia nghe nghĩa là quý, liền có bốn người cùng cạo tóc một lúc, trước là Pháp sư Bảo Chí, thần thông không suy lường, sự tích linh hiển rất nhiều, tự có truyền riêng. Niên hiệu Thiên Giám năm đầu, Thỉ Quang có thiên hạ, mới lưu tâm lễ nhạc chưa gấp gỏi ở Phần Dương, Pháp sư vào thánng chín năm đó tự cầm phát trần và tích trượng đưa lên mà không nói một lời, vua cũng chưa nhận ra ý kia, đến nay hơn ba mươi năm. Cái chuỗi phát trần lấy dây nhỏ buộc, chỗ mắc vào dấu vết rõ ràng vẫn còn đầy đủ. Đến đây vua bèn chống gậy lên tòa cầm phát trần giảng nói, cho nên biết chấn động đại thiên mà giảng pháp, xét

có minh phủ, năm ấy gọi là phương xuân, mỗi tối mưa ướt trống pháp, sáng ra trời liền sáng trong, khoảng hai mươi một ngày khí trời điều hòa mây che mát mẽ. Đến ngày bế giảng bốn chúng nhóm họp lễ sám vừa xong thì đại tượng mười phương ở chánh điện bỗng phát ra ánh sáng, bạch hào chiếu khắp hai bên chữ 卍 linh tướng phát sáng nghi vàng sáng rỡ, phút chốc tượng Bồ-tát mười phương bên trái lại phát ra ánh sáng từ dưới nách suốt lên trên vai. Vua Thánh chính thân tự chí thành đánh lễ đại chúng đều nhìn thấy, cho nên biết hiện mặt này chứng minh ý chỉ, như đệ tử nghe nhiều nội thành nương gió, hữu quan ghi lời, thật chỉ có vua bèn ra lệnh cận thần ghi chép sự việc ngày giờ. Phàm thiếu sự bàn bạc hỏi ý kiến quên không đủ học, không chung giải thích đã xa mà nghi xét mới đến, hoặc tông chỉ chưa nghe mà khải thỉnh đến trước, kia sai người xét đều vốn tập học điều ghi nhớ, hoặc cách ngày khác giờ nghĩa thành trước sau, hoặc tuy thân qua lại, trọn là một lời hỏi ý chỉ Thánh đều tùy phương đón rước, như tiếng vang ứng với âm thanh, muôn vật là tâm sự thấy ở đây, sau đó người học tuyên hiểu ý thú này.

Vua hoàng pháp lâu năm, gồm các học Tăng xa gần đồng nhóm họp, đều hội ở kinh đô, mà học sư của Tăng gia tập giữ nhau, chỉ tin miệng nói chuyên nương công sức của tai, mới nghiên cứu được văn kinh nương cầu liễu nghĩa. Vua thường vì đó giải thích chung, thần rức rỡ, ý được đã ở lời nói trước, cắt dẫn câu văn liền đến mấy mươi, tinh tường rõ ràng đâu thể theo lãnh. Chư Tăng cựu học buồn như đèn tắt, bông hơi kết lười ai không như vậy. Muôn chúng ngược nhìn đồng thời tâm đều vui, các việc như thế chẳng phải Hàn hay Mặc có thể nói. Lại nghĩa chư Tăng ngoại quốc đã bàn không hẳn mở nghĩa là lập, nếu có tâm nghi chỉ đến cầu quyết, hoặc phát kệ tụng rồi mới hỏi bàn nghi, hoặc thưa hỏi đã bỏ khen ngợi phát nguyện, hoặc nói xong lại ngồi, chúng đều không biết, hoặc hỏi bàn rồi lại đi, không biết chỗ ở, gương mặt y phục khác thường, phàm thánh khó sánh, đó là giảng. Đông để dành mới nở chỉ trong bảy ngày, chư Tăng tìm tòi khát ngưỡng muốn bỏ mà không thể. Rồi lại đích thân thỉnh, lại nhờ mười bốn ngày mà chúng thỉnh cầu kính mến không thôi, vua đem việc nước che lấp từ lâu không có sự mong cầu, toan muốn giải tòa, Hoàng đế bỏ tài của thí khắp, tiền bạc tích tượng, các vật có hai trăm lễ một món, thặng có một ngàn không trăm chín mươi sáu vạn.

Hoàng Thái tử thờ kinh Sấn Ngọc, làm hòm kinh bằng bảy báu, cúng dường kinh và cúng tiền lụa cho Tăng giá trị ba trăm bốn mươi ba vạn, sáu cung cúng hai trăm bảy mươi vạn, chính thân vua cúng đến số

ức triệu, tự coi nhẹ mình. Ty phục coi giữ bữa ăn sáng cho mọi người nếu chẳng phải điển chương của triều đình thì chỉ là luống phụng sự cho thân, thì thái quan một ngày gần mười vạn sinh y, một năm xuất ngàn vàng vua đều không lấy, riêng tự do cấp áo thô vải nhuộm, đồ dùng bằng đất, một ngày mà quá ngọc thì không ăn. Trời lạnh hay nóng không mặc áo lót nếu chẳng phải vải thô, lại ở cung không thể ở phương trượng, xưa là ngai vàng màn trướng, nay là giường thấp, bên cạnh không có người hầu chăm sóc, không có vật châu ngọc, hai bên chỉ có kính sách, trước mặt chỉ có lò hương, tích trượng. Trời chưa sáng đã ngồi, sáng trắng mới nghỉ, tối xem pháp bảo, sáng không ngủ, vì lợi người chứ chẳng chỉ vì mình, thành ra thật chếp hằng sự trong cấm ở việc làm.

Lại người trong cung thường cách năm cấp mấy ngàn vạn đều theo dừng xét mà lưu lại, dẫu Hán Văn áo không đến đất mà lúa Quang Vũ mấy mươi học mới biết như mộng. Lập nhiều chùa tháp và các lễ trai tăng không tạ dân con đến, không giống lễ tự nhau uống rượu, đều là chọn lựa núi non chốn đất lợi lộc, vì tịnh tài đúng như pháp, lượng vào vì ra giúp không chấp ngoài. Sự lao nhọc của một dịch tính hạn đủ ban cho, cho nên có thể chế tạo đồng với Thiên cung, làm món ăn giống như côi Hương Tích, đại lễ quốc triều không quá ba nguyên, ba nguyên chỗ lập chúng chỉ vài vạn, cách năm dự doanh, kính cẩn sau học, xem xét lộn xộn vì phí tổn lớn. Đến ở hội này xuất ra tịnh tài của mình, trăm họ xa gần xin làm ấp tiết, vui mừng thỉnh nhận tranh lấy phước phần, không đợi hiệu lệnh không cần khóa xuất. Lúa gạo thơm lừng như thời kỳ liền đến, mấy mươi vạn chúng ăn cũng không hết, nên biết là do sức giáo hóa của Hoàng thượng cảm ra, thiện căn trăm họ có thành, còn như quân nước hằng độ kho vừa thường chứa đầy vốn cho thiên hạ, làm đồ công thì thu không mảy may xâm phạm.

Ban đầu vua làm mười ba món vô tận tạng, có hai khoa phóng sinh và bố thí, tạng này lợi ích đã là vô hạn mà trai hội mỗi tháng lại ở các chùa thí tiền tài và vật thực. Lại ra lệnh riêng đến các quán giết thịt của Trương Văn Hưu ngày xưa ra lệnh chớ động thớt tức thời cứu và mua chuộc giúp khỏi chết cả số ức, cho đó là thường. Văn Hưu trước làm Vân Sử, liền chở gạo cho dân nghèo nên vào đại tịch, vua thương kia một phần, xót xa không xiết chẳng những tha thứ tội nặng kia, mà còn thêm ngày chí đáo, đã chẳng nương nghĩa bố ấm áp, lại không gấp rút thỉnh tội. Người gạn tội nặng lúc xưa, Văn Hưu đã gánh vác giùm không hề tạm nghỉ. Quá ngọc không ăn mà chân không nghỉ đi khắp

kinh áp, đi bộ như bay, đánh trống treo phướn gánh mang chạy theo, gia cầm thú đồng trống chúng sinh bốn loài đều phóng sinh. Bấy giờ từ triều thần đến thứ dân đều tùy hỷ. Lại một ngàn một trăm mười bốn (1.114) vạn đồng tiền, vua phân biệt tâm kia có mười điều, hoặc bỏ tiền tài đồng pháp sự ngày nay, hoặc bỏ tài để cúng dường, hoặc bỏ tài làm từ bi, hoặc bỏ tài xin tụng kinh, hoặc bỏ tài vào tiết cúng, hoặc bỏ tài để phóng sinh, hoặc bỏ tiền tài để bố thí, hoặc bỏ thân thí cho đại chúng, hoặc đốt ngón tay cúng dường Tam bảo, hoặc nghe giảng cầu xin xuất gia, như xưa Như Lai hóa đạo được ngộ khác nhau, cho nên pháp nhãn vô sinh căn tánh chẳng phải một. Vua đều cho người kia đồng phát đại nguyện thấy riêng nguồn gốc. Tiểu thần thêm hầu hạ giảng tòa kính soạn tựa nay. Phàm lập nghĩa sáu khoa và hỏi đáp:

Một pho gồm chép mười ba, ngày thứ nhất.

Giảng đề kinh Bát-nhã (sáu người luận nghĩa), Tăng Hoài chùa Trung, Pháp Hỷ chùa Trì Thành, Đại Tăng Tuệ Linh chùa Linh Căn, Tăng Xước chùa Long Quang, Tăng ngoại quốc là Già-đà-bà, Tuệ Cự chùa Tuyên Vũ đều giảng tại chùa Chỉ Viên, Pháp Bửu xưng rằng: “Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật”.

Chế rằng: Mạn Tinh nói “Bàn đầu dễ dàng, đối với chí lý càng không thể nói, dầu hết hai điếm trọn hổ thẹn bốn đáp”. Phàm thật trí thì không động, chí lý thì không nói, vắng lặng chẳng suy lường, càng vượt ra xa, soi tận không giới, không vận chuyển sáng kia, dụng cùng có cảnh không nhọc công kia, vô trụ mà trụ nơi trụ, vô đắc mà đắc nơi đắc, trăm phước khác tướng mà đồng vào vô sinh, muôn điều thiện khác dòng mà đều hội ở bình đẳng, cho nên có khả năng dẫn dắt quần mê mà đều đến, mới sáu ghe mà đều giúp, thành diệu quả Bồ-đề vào cửa mầu Niết-bàn. Ba minh không thể thấy được cơ kia, bảy biện không thể nói chỗ thật kia. Đại Thánh Thế Tôn không trái bốn thế, dùng năng lực phương tiện dắt dẫn chúng sinh, nơi không danh tướng gọi lời danh tướng, khiến người hỏi đạo biết đường, khiến người hỏi bốn biết chỗ quay về. Cho nên ở thành Vương xá phát ra tiếng rống sư tử nói kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, kinh này cũng gọi là kinh Đại Phẩm.

Xưa tương truyền có năm thời Bát-nhã, xét tốt kinh luận chẳng thấy thuyết kia, chỉ có Nhân Vương Bát-nhã đề riêng quyển sau đủ có văn kia. Thứ nhất, Phật ngự tại thành Vương-xá nói Đại Phẩm Bát-nhã. Thứ hai, Phật ở nước Xá-vệ trong rừng Kỳ Hoàn nói Kim Cang Bát-nhã. Thứ ba, Phật ở rừng Kỳ Hoàn, nước Xá-vệ nói Thiên Vương Bát-nhã. Thứ tư, Phật ở thành Vương-xá nói Quang Tán Bát-nhã. Thứ năm, Phật

ở thành Vương-xá nói Nhân Vương Bát-nhã. Kinh ấy nói rằng: Kim Cang Bát-nhã có tám quyển, bộ Hoài Nam chỉ có một phẩm So Sánh Công Đức, là tên gốc của Kim Cang Bát-nhã. Quyển sau đề rằng: “Phật năm thời nói Bát-nhã, đây là thời đầu tiên”, cội này chưa có thời thứ hai, hai thuyết trái nhau khó mà nương dùng.

Luận Đại Trí Độ nói: Bộ Bát-nhã có nhiều có ít, chỉ nói rằng: “Quang Tán Phóng Quang và Đạo Hành, nêu ba kinh này không nêu năm thời”. Cội này có ba kinh Quang Tán, Phóng Quang, Đạo Hành, Phóng Quang tức Đại Phẩm, Quang Tán, Đạo Hành và Phóng Quang chẳng khác, chánh do lược là khác. Từ phẩm tự của Quang Tán đến phẩm Tán Hoa là hai mươi bảy phẩm, Đại Bản đến Tán Hoa có hai mươi chín phẩm, Quang Tán thiếu phẩm không hai, Đạo Hành ban đầu khởi ba đoạn, rốt sau Chúc Lụy có ba mươi phẩm, nương Đại Bản trừ sáu phẩm trước vẫn còn tám mươi bốn phẩm. Đạo Hành thiếu không năm mươi bốn phẩm, Quang Tán, Đạo Hành và Đại Phẩm sự nghĩa chẳng khác. Đây là lời người xuất kinh, có văn chất, đây là lúc ở Thiên Trúc đã chia ba bộ. Trước chú Đại Phẩm cũng khai là năm khác tùy văn chiết lý chẳng phải là chỗ khác.

Tăng Duệ Tiểu Phẩm nói: Chánh văn kinh này có bốn món là Phật khác thời giáo hóa nói rộng lược, văn kia nhiều thì có mười vạn bài kệ, ít thì có sáu trăm bài kệ. Đại Phẩm này chính là Trung Phẩm của Thiên Trúc, chỉ nói bốn món, không nói năm thời. Trước nói là tựa của Tăng Duệ Tiểu Phẩm tức bảy quyển Bát-nhã, người đi theo nghe lại thành khác nhau, không xa mà lại ngộ hầu không tiếc lắm. Tăng Duệ nói Tiểu Phẩm tức là Đạo Hành Bát-nhã. Vì sao? Vì nghiệm ba việc cho nên biết. Một, Đạo Hành Bát-nhã rốt sau cũng đề là Tiểu Phẩm. Hai, bảy quyển có hai mươi chín phẩm, văn Đạo Hành có ba mươi phẩm, tựa Tăng Duệ là ba mươi phẩm, không tự thì là hai mươi chín phẩm. Ba, tựa Tăng Duệ là chỉ khen hai chữ Đạo Hành, văn kia nói rằng: “Chương tuy ba mươi mà bao trùm là đạo. Lời tuy mười vạn, gấp bội là Hành. Hành ngừng rồi sau vô sinh, Đạo đủ rồi sau có chỗ”. Vì nghĩa này nên biết kinh Đạo Hành tức là Tiểu Phẩm.

Tên Đại Phẩm là việc xuất kinh sau của Pháp sư Đạo An. Đạo An nói: “Xưa ở Hán Âm mười lăm năm giảng kinh Phóng Quang thường lại khắp, lúc này vẫn chưa gọi là Đại Phẩm. Từ trước Tiểu Phẩm đến sau Tiểu Phẩm có ba mươi chương, Đại Phẩm có chín mươi chương, nhiều ít khác nhau. Do hình tướng đời tên lớn nhỏ cho nên được sinh”.

Lại có người nói: “Phật nói năm thời giáo. Thời thứ nhất ở vườn

Lộc dã chuyển pháp luân Tứ Đế, đến thời thứ năm ở trong rừng Song Thọ chuyển Đại Bát Niết-bàn, nói là thời Đại Phẩm, đây là thời giáo thứ hai. Tịnh Danh Tư ích là thời giáo thứ ba. Kinh Pháp Hoa là thời giáo thứ tư, nghĩa này không đúng. Thích Luận nói là: “Tu-bồ-đề nghe trong kinh Pháp Hoa nói Thinh văn đều sẽ thành Phật”, cho nên nay hỏi “Là nhất định hay không nhất định?”. Đây là nghe kinh Pháp Hoa trước, nói Đại Phẩm sau, do nhân duyên này không được nói kinh Đại Phẩm là nói ở thời thứ hai. Lại như trong kinh Nhị Dạ nói: “Phật từ đêm chứng đạo đến đêm nhập Niết-bàn, khoảng giữa đã nói kinh giáo tất cả đều thật không điên đảo”. Do nghĩa này nên biết từ bên sông Ni Liên Thiên ngày đầu chứng đạo cho đến đêm nhập Niết-bàn trong rừng Ta-la thường nói kinh Bát-nhã Ba-la-mật.

Kinh Bốn Khởi nói: Lúc Như Lai mới thành đạo, Ưu-đà-na trở về vua Tịnh Phạn hỏi: “Nay ở chỗ vắng suy nghĩ việc gì?”

Ưu-đà-na đáp: Thế Tôn chỉ có không, khổ vui đều chẳng chân thật.

Vua Tịnh Phạn nói: Tai vạ, Tất-đạt đều có tất cả sao lại nói không? Ngược lại, Tất-đạt so sánh với người”.

Đây là lúc mới thành đạo nói Bát-nhã Ba-la-mật.

Kinh Cao Quý Đức Vương nói: Bồ-tát tu hành Phương Đẳng Đại Bát Niết-bàn, không nghe bố thí, không thấy bố thí, cho đến không nghe Đại Niết-bàn, không gặp Đại Niết-bàn, thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng, không thật có.

Thứ chín, kinh Công Đức nói: Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, đối với tất cả pháp đều không chấp, nếu người nào chấp có thì không thấy Phật tánh, không thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không được nhập Đại Bát Niết-bàn, đến nói rộng”, do nhân duyên này nên phải biết ngày mới thành đạo cho đến đêm Niết-bàn thường nói kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Bát-nhã Ba-la-mật-đa này là mẹ của chư Phật, Như Lai ba đời đều từ đây sinh ra. Đại pháp vô tướng chẳng thể hý luận, đâu lại được hạn cuộc thứ lớp ở năm thời ư? Căn tánh khác nhau nên nghe chẳng phải một, cũng lại không chỉ có năm thời. Năm xưa khiến Pháp sư Trang Nghiêm Tăng Mân và các học sĩ cùng nhau nghiên cứu sát hạch xét căn tánh kia chỗ đáng nghe có ba trăm tám mươi vị, đây là thời giáo vì chúng đông.

Một người xuất hiện ở đời nhiều người được lợi ích, há lại chỉ vì người một căn tánh thứ lớp năm thời chuyển đại pháp luân? Nói kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đề kinh đặt tên có ba ý: Một, lấy người

đặt tên. Hai, dùng pháp đặt tên. Ba, dùng cả người và pháp. Nói ý Tư Ích là lấy tên người làm tên kinh. Pháp Hoa Niết-bàn là lấy pháp làm tên kinh. Tịnh Danh, Thắng Man là người pháp đều nêu. Kinh này dùng pháp đặt tên, lia pháp không người, lia người không có pháp, làm sao được nói kinh này dùng pháp làm tên? Bát-nhã là thật pháp, người là giả danh, đây là pháp của nhà người chẳng phải người của nhà pháp, giống như đạo đế là thuộc về thật pháp, cho nên kinh này được tên pháp là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, đây là âm Thiên Trúc, kinh là tiếng Hán, tên nước ngoài là Tu-đa-la, Hán dịch là Pháp Bản, gồm có năm nghĩa: 1/ Sinh ra; 2/ Suối vọt; 3/ Hiện bày; 4/ Dây mực; 5/ Kết man. Dạy giải thích chữ kinh cũng có ba nghĩa: 1/ Cữ; 2/ Thông; 3/ Do.

Cữ: Tên không biến diệt gọi là cữ, ba đời không đời đổi là nghĩa thường.

Thông: Lý không ngăn trở gọi là thông, tất cả không ngại là nghĩa thông.

Do: Sinh ra các điều thiện gọi là do, làm phép tắc cho muôn hạnh là nghĩa pháp.

Lấy chữ kinh thay thế Tu-đa-la vì Tu-đa-la là tên chung, kinh là tên riêng. Tu-đa-la sở dĩ gọi là chung vì phạm thánh có chung. Kinh là tên riêng vì cõi này chỉ có bậc Thánh nói, gọi là kinh, cho nên là lấy riêng chữ kinh thay thế Tu-đa-la, muốn cho người nghe liền được tin hiểu.

Ma-ha, Hán dịch là Đại, Bát-nhã dịch là trí tuệ, Ba-la dịch là Bỉ ngạn, mật dịch là độ, lại dịch là đáo, dịch đủ là: “Đại trí tuệ độ”. Nói đến bờ kia là quốc ngữ khác nhau; đây cho là sai kia cho là đúng, đây cho là đúng kia cho là sai. Lời tuy thế tục mà nghĩa không khác. Trong đây có bốn nghĩa: 1/ Xứng đức; 2/ Xuất thế; 3/ Biện dụng; 4/ Minh tông. Đại là xứng đức, trí tuệ là nêu ra thế, độ là nói về dụng, bờ kia là nói về tông. Trong đây lại có hai ý: 1/ Nói pháp; 2/ Nói dụ. Đại là nói pháp, bờ kia là nói dụ, tức dùng bờ kia dụ cho Niết-bàn. Thế nào là nghĩa đại? Không là nghĩa đại, Niết-bàn mười tám không nói rằng: Nói đại không nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật không. Kinh này nói sắc đại cho nên Bát-nhã đại chẳng đời tiểu không, gọi là đại không. Nếu Đại nhất định là không thì chẳng gọi là đại, không đặc mà xưng, đó là nghĩa đại.

Thế nào là nghĩa trí tuệ? có thể biết thật tướng các pháp là nghĩa trí, có thể soi chiếu các pháp vô sinh là nghĩa tuệ. Nếu có chiếu có đặc không gọi là trí tuệ, không chiếu không đặc, vốn tròn sáng vắng lặng là nghĩa trí tuệ.

Thế nào là nghĩa độ? Sinh tử là bờ này, Niết-bàn là bờ kia, phiền não là giữa dòng, do độ thứ nhất giúp cho bốn dòng, do nhân duyên này gọi là độ. Nếu Độ nhất định là độ thì không gọi là độ, không qua không lại đây là nghĩa độ. Lại nói rằng: Đáo là dùng tuệ vô sinh chứng được Niết-bàn, chưa đến nói là đến là thể tánh năng đến, nên gọi là đến, không thấy nhân có thể đến, không thấy quả có chỗ đến gọi là nghĩa đến

Thế nào là nghĩa bờ kia? Sinh tử là bờ này Niết-bàn là bờ kia, sinh tử chẳng khác Niết-bàn, Niết-bàn chẳng khác sinh tử, không hành hai pháp nghĩa là bờ kia. Cho nên ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật có chứng Tát-bà-nhã hay chăng?

Phật nói: Không.

- Bạch Thế Tôn, vậy không tu Bát-nhã Ba-la-mật có được Tát-bà-nhã hay không?

Phật nói: Không.

- Bạch Thế Tôn, vậy tu hay không tu sẽ được Tát-bà-nhã chăng?

Phật nói: Không.

- Bạch Thế Tôn, chẳng tu chẳng không tu sẽ được Tát-bà-nhã chăng?

Phật nói: Không.

- Bạch Thế Tôn, nếu không vậy thì làm sao chứng được Tát-bà-nhã?

Phật nói: Bồ-tát Ma-ha-tát chứng như tướng Tát-bà-nhã.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Bạch Thế Tôn, Bồ-tát không dùng hai pháp, chẳng phải không dùng hai pháp, làm sao chứng được Nhất thiết chủng trí?

Phật nói: Không sở đắc tức là đắc, do đó là đắc vô sở đắc. Lại Phật nói: “Sắc tức Tát-bà-nhã, cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Tát-bà-nhã, sắc như tướng cho đến Nhất thiết chủng trí như tướng đều là một tướng chẳng hai chẳng khác. Vì nghĩa này gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu có thể là duyên chấp trước, quên lý mong cầu, như vang nhận tiếng như huyền nghe pháp, đây thật có thể gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Chỉ tụng chương đầu không biết điều khác, nghĩa trái truyền đăng, tâm chẳng nhận nước đầu thể tuyên miệng vàng ở điện tuệ, rải cam lồ nơi thành hương, thấm nhuần hạt giống ở ruộng tốt, phát mầm Bồ-đề, thí như nước ao Đường theo trăm sông vào biển lớn, như mắt con tiêu minh nhờ ngàn mặt trời mà sáng rỡ, đâu biết bờ kia là chỗ đậu lại, đâu

thấy đèn chiếu xa gần, nường đại chúng mà trông gốc đức, vốn nường căn lực hành từ của Như Lai, nếu có nghi nạn mong hãy thù đáp. Còn có hỏi đáp khác là mười hai quyển, hỏi thăm được gốc ngọn cho nên văn kia càng thiếu.

CHÚA THƯỢNG LẠI VÌ KHAI MỞ GIẢNG DIỄN, NGÀY THAM DỰ, VÀ LỜI VUA ĐÁP

Thần, Cương nói: Xin nường xe giá đến chùa Đồng Thái khai đề kinh Kim Tụ Bát-nhã Ba-la-mật, đèn tuệ soi quần mê, dẫn dắt nguồn xuất thế, trăm hoa đồng mát mẽ, muôn dòng đều về biển, chốn thuyết hiển khen nêu cõi đất thấm nhuần. Thân thần ngại đã đến mong đuổi đủ thiếu, cam lồ khắp giúp, người trời đều nhờ, sáng như việc ma riêng ở thân hèn mọn, rong ruổi hệ thuộc pháp luân, sâu riêng khắc trách, không nhậm hạ tình, cần phụng khải phụng nường, kính khải.

Xét lời thưa đầy đủ vì ông giảng kinh Kim Tụ Bát-nhã Ba-la-mật- đa, phát đề mới xong, bốn chúng như mây hợp, Hoa Hạ hay Man-di đều nhóm, mưa luôn cả ngày rất lo bỏ việc, lúc cảnh vật sáng dần u hiển đều mừng. Trong thật tướng vốn không khứ lai, thân tuy không đến mà tâm đều nhóm, khéo tự điều dưỡng cần thận chớ lao nhọc, còn có hai tuần thường vẫn thiếu. Nay tuy khác hội sau chưa trễ, ta mới trở lại đài không còn sắc chỉ nhiều. Việt sắc.

